

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LL&PPDH BỘ MÔN TIẾNG ANH

Mã số ngành đào tạo: 60140111

*(Ban hành theo Quyết định số 2009/QĐ-ĐHV, ngày 21/09/2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Nghệ An, 2017

MỤC LỤC

PHẦN 1. MỞ ĐẦU	4
1.1 Trường Đại học Vinh.....	4
1.1.1 Tóm tắt quá trình phát triển	4
1.1.2 Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục	4
1.1.3 Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ.....	5
1.1.4 Cơ sở vật chất	5
1.2 Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ	5
1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ.....	6
1.2.2 Đội ngũ cán bộ.....	6
1.3 Ngành LL&PDH bộ môn Tiếng Anh	7
PHẦN 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	9
2.1 Thông tin chung.....	9
2.2 Mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	9
2.2.1 Mục tiêu.....	9
2.2.2 Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	10
2.3 Kiến thức và kỹ năng trang bị cho người học	11
2.4 Vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp	11
2.5 Tuyển sinh	11
2.5.1 Phương thức, số lần và địa điểm tổ chức tuyển sinh	11
2.5.2 Các môn thi tuyển.....	11
2.5.3 Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác	12
2.5.4 Học bổ túc kiến thức.....	12
2.5.5 Đối tượng dự tuyển.....	13
2.5.6 Đối tượng và chính sách ưu tiên.....	13
2.5.7 Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển	14
2.6 Điều kiện bảo vệ luận văn	14
2.7 Điều kiện tốt nghiệp	14
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	16
3.1 Cấu trúc chương trình.....	16
3.2 Các học phần theo khối kiến thức	16
3.2.1 Các học phần chung.....	16
3.2.2 Các học phần cơ sở ngành	17
3.3.3 Các học phần chuyên ngành	18
3.3 Mô tả tóm tắt các học phần trong CTDH	19
PHẦN 4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ HỖ TRỢ.....	24
4.1 Đội ngũ giảng viên	24
4.2 Nhân viên hỗ trợ	25
PHẦN 5. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	27

5.1 Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng.....	27
5.2 Hệ thống thư viện	27
5.3 Hệ thống công nghệ thông tin	28
5.4 Trạm y tế.....	28
PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	29
6.1 Đối với bộ môn quản lý chương trình	29
6.2 Đối với giảng viên	29
6.3 Kiểm tra, đánh giá	30
6.4 Đối với học viên	30
6.5 Quy định về việc nghỉ học tạm thời, thôi học	30
6.6 Quy định về chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo ..	31
6.7 Quy định về xử lý vi phạm đối với học viên	31
6.8 Quy định chấm điểm luận văn thạc sĩ/đồ án tốt nghiệp	32

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1.1 Trường Đại học Vinh

1.1.1 Tóm tắt quá trình phát triển

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam. Ngày 28/08/1962, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu sự ra đời của Trường Đại học Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định Trường Đại học Vinh đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng chính phủ ban hành Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục lần thứ 2 vào năm 2017.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009, năm 2014 và năm 2019), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào (2019) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

1.1.2 Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

- **Sứ mạng:** Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.
- **Tầm nhìn:** Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045.
- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực (honesty), trách nhiệm (accountability), say mê (passion), sáng tạo (creativity), hợp tác (collaboration)
- **Triết lý giáo dục:** Hợp tác (collaboration), Sáng tạo (creativity)

Trường Đại học Vinh khuyến khích người học phát triển năng lực hợp tác thông qua tạo dựng môi trường học thuật đa dạng để phát huy sự cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân, tập thể. Nhà trường xem sáng tạo là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân và do đó, hướng tới đào tạo

người học trở thành người lao động sáng tạo trong các hoạt động nghề nghiệp và có khả năng thích ứng cao.

1.1.3 Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

Hiện nay Trường đào tạo 14 ngành sư phạm, 18 ngành kỹ sư, 26 ngành cử nhân trình độ đại học, 37 chuyên ngành thạc sĩ và 17 chuyên ngành tiến sĩ với trên 40.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Trường có 01 Trường THPT Chuyên, là một trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước, và 01 Trường Thực hành Sư phạm đào tạo các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.

Trường Đại học Vinh hiện có 1.050 cán bộ, viên chức (trong đó có 714 cán bộ giảng dạy), 56 giảng viên cao cấp, 3 giáo sư, 50 phó giáo sư, 284 tiến sĩ, 502 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ của Nhà trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước. Cùng với hoạt động đào tạo, đội ngũ giảng viên luôn chú trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trong 5 năm gần đây, đội ngũ cán bộ đã triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp; tổ chức trên 100 hội thảo khoa học; công bố trên 2.000 bài báo ở các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Trường Đại học Vinh luôn nằm trong top 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.

1.1.4 Cơ sở vật chất

Với 5 cơ sở trên diện tích 286,3 hecta, Trường Đại học Vinh có hệ thống cơ sở hạ tầng và không gian học tập hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành. Các trang thiết bị phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động ngoại khóa thường xuyên được bổ sung, cập nhật, bảo dưỡng. Hệ thống phòng làm việc cho khối hành chính được xây dựng đầy đủ, đúng tiêu chuẩn. Ký túc xá sinh viên của Trường có khả năng đáp ứng nhu cầu cho trên 1000 sinh viên.

Trường Đại học Vinh đã xác định tầm nhìn chiến lược và định hướng phát triển chung thành Đại học Vinh, trở thành một trong các cơ sở giáo dục đại học trụ cột ở khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng Top 500 đại học hàng đầu châu Á. Nhà trường liên tục triển khai các chính sách đổi mới giáo dục đại học, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, góp phần giải quyết những vấn đề lớn trong đào tạo nhân lực chất lượng cao và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

1.2 Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ

Khoa Ngoại ngữ được thành lập ngày 27 tháng 10 năm 1994 theo Quyết định số 3090/GD-ĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Ngày 11 tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 1136/TTg-KGVX về việc bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây

dựng thành trường đại học trọng điểm, Khoa Ngoại Ngữ là một trong ba đơn vị được Nhà trường chọn đổi tên thành khoa sư phạm nhằm phát huy truyền thống của Nhà trường. Ngày 04 tháng 11 năm 2013, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ký Quyết định số 3557/QĐ-ĐHV đổi tên Khoa Ngoại Ngữ thành Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ thuộc Trường Đại học Vinh.

1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ

Đào tạo trình độ Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Sư Phạm Tiếng Anh, và trình độ Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh; đào tạo ngoại ngữ cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh không chuyên ngữ trong toàn Trường đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên cho giáo viên tiếng Anh phổ thông các tỉnh Bắc Trung Bộ thuộc Đề Án Ngoại Ngữ Quốc Gia 2020; bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, giáo viên ngoại ngữ, giảng viên, giáo viên dạy chuyên ngành bằng ngoại ngữ; hỗ trợ, tư vấn các hoạt động, chính sách liên quan đến ngoại ngữ cho các trường Đại học, các trường Phổ thông, các Sở, Ban ngành trong khu vực Bắc Trung Bộ; cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngoại ngữ phục vụ cộng đồng; hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, đại sứ quán các nước trong công tác đào tạo và bồi dưỡng ngoại ngữ; tổ chức thi, kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung Năng lực Ngoại Ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.2.2 Đội ngũ cán bộ

Cùng với sự lớn mạnh của Nhà trường, Khoa Sư phạm Ngoại Ngữ đã phát triển về nhiều mặt. Hiện nay đội ngũ cán bộ của Khoa có 54 cán bộ, trong đó có 49 cán bộ giảng dạy, gồm: 02 Phó giáo sư, 08 Tiến sĩ, 37 Thạc sĩ, 02 Cử nhân (đang học Thạc sĩ); 01 Nghiên cứu sinh ở nước ngoài, 01 Giảng viên cao cấp, 12 Giảng viên chính. Đội ngũ giảng viên có trình độ cao, được đào tạo tại các trường có uy tín trong và ngoài nước như Nga (01 tiến sĩ), New Zealand (01 tiến sĩ), Nhật Bản (01 tiến sĩ), Pháp (01 tiến sĩ), Hoa Kỳ (03 thạc sĩ), Úc (02 tiến sĩ, 01 nghiên cứu sinh), Anh (02 thạc sĩ), Đài Loan (01 thạc sĩ). Ngoài ra, hầu hết cán bộ giảng dạy đều đã tham gia các khóa tập huấn nâng cao trình độ ở nước ngoài và thường xuyên tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn nghiệp vụ.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ giảng dạy cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học về nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh như VinhTESOL, VietTESOL; xuất bản nhiều giáo trình, tập bài giảng; công bố các bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Sư phạm Ngoại Ngữ đã chủ trì và tham gia thực hiện đề tài các cấp. Bên cạnh đó, giai đoạn 2016-2020, cán bộ khoa đã thực hiện nhiều khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, xây dựng đề thi, biên soạn chương trình tài liệu trong khuôn khổ Đề Án Ngoại Ngữ Quốc Gia 2020 và các chương trình khác của do Bộ GD&ĐT, các tổ chức Văn hóa và giáo dục tổ chức.

1.3 Ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh

Ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh trình độ thạc sĩ tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2008. Đến nay, chương trình đã đào tạo hơn 300 học viên. Nhiều học viên sau khi tốt nghiệp đã được bổ nhiệm vào các vị trí quan trọng tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo bao gồm 02 Phó giáo sư, 08 tiến sĩ, giảng viên cơ hữu của khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ và các thỉnh giảng bao gồm các nhà khoa học hàng đầu trong nước ở lĩnh vực LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh. Ngoài ra khoa còn mời nhiều giáo sư ở các trường đại học nước ngoài như Nhật, Mỹ hợp tác để tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, hội nghị nhằm giúp cho học viên có cơ hội hình thành và phát triển các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để đạt PLOs.

Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Khoa Sư phạm Ngoại Ngữ còn có Phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và học viên của Khoa. Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành Bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn. Chính vì vậy, các học viên ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh có cơ hội được sử dụng các trang thiết bị, tư liệu chung và riêng, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng, kiến thức cần thiết.

Ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh được xây dựng phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường: Vừa chuyển hướng sang đào tạo đa ngành vừa giữ gìn truyền thống đào tạo sư phạm. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được xác định tương thích với sứ mạng của nhà trường (*Là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học*) và phù hợp với tầm nhìn *trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN*. CTĐT của ngành đã được đối sánh với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh ở một số trường đại học trong và ngoài nước với mong muốn góp phần đưa Trường Đại học Vinh trở thành thành viên của mạng lưới các trường Đại học ASEAN.

Các học phần trong CTĐT và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá cũng được thiết kế để thể hiện các giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của nhà trường. CTĐT cũng nhấn mạnh các nguyên tắc giáo dục hiện đại, bao gồm việc phát triển song song các kỹ năng chung và kỹ năng chuyên ngành, giúp người học trở thành những người dẫn dắt, lãnh đạo hàng đầu và duy trì khả năng học tập suốt đời. Theo đó, CTĐT ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh góp

phần giúp nhà Trường đạt được mục tiêu giáo dục, hoàn thành sứ mạng và hướng tới tầm nhìn cũng như đảm bảo các triết lý giáo dục mà nhà trường theo đuổi.

Mục tiêu và CDR của CTĐT được xây dựng, rà soát định kỳ, bổ sung, sửa đổi theo chủ trương và định hướng phát triển của nhà trường. Vì vậy, mục tiêu và CDR của các CTĐT được xác định rõ ràng, tương thích với sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu, triết lý giáo dục của Trường, phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Công tác xây dựng và rà soát này có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, và các sản phẩm được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau. Đây là một trong các hoạt động quan trọng của ngành phục vụ cho chính sách chất lượng của Trường là *'không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình đào tạo, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và tham gia kiểm định chất lượng định kì'*.

Với lịch sử phát triển lâu năm của Trường và truyền thống đào tạo sư phạm của Trường và khoa, ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh đã và đang tiếp tục vận động, đổi mới, cập nhật với xu hướng của thời đại, đặc biệt là cuộc cách mạng kỹ thuật số và chiến lược xây dựng trường đại học thông minh mà nhà trường đang xây dựng. Trong các năm gần đây, ngành hướng tới các mục tiêu kiểm định quốc tế và ứng dụng CNTT một cách sâu rộng hơn trong quản lý học vụ và đào tạo. Chính vì vậy, người học sẽ có cơ hội được học theo CTĐT đạt chuẩn quốc tế, phát triển kỹ năng và tư duy kỹ thuật số, hình thành các tố chất của người lãnh đạo và hòa nhập với thế giới.

PHẦN 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1 Thông tin chung

Tên ngành đào tạo (<i>Tiếng Việt</i>)	Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn tiếng Anh
(<i>Tiếng Anh</i>)	MA in Teaching English to Speakers of Other Languages (TESOL)
Mã ngành đào tạo	8.14.01.11
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo	2 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh
Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo	Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ
Hình thức đào tạo	Tập trung
Số tín chỉ yêu cầu	
Thang điểm	10
Ngôn ngữ sử dụng	Tiếng Anh
Ngày tháng ban hành	
Phiên bản chỉnh sửa	2022

2.2 Mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.2.1 Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: Chương trình thạc sĩ LL&PPDH Tiếng Anh cung cấp các kiến thức chung về triết học, quản trị, quản lý và kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học ứng dụng và phương pháp giảng dạy tiếng Anh (TESOL) đồng thời giúp người học phát triển các kỹ năng, phẩm chất cá nhân cần thiết để đạt các mục tiêu nghề nghiệp, trở thành những người định hướng và dẫn dắt trong lĩnh vực giáo dục.

Mục tiêu cụ thể:

TT	Mục tiêu
PO1	Áp dụng kiến thức chung về triết học, quản lý, quản trị và kiến thức chuyên sâu của ngành ngôn ngữ học ứng dụng và chuyên ngành TESOL để thực hiện các hoạt động

	nghiên cứu, dạy học và giáo dục bộ môn Tiếng Anh
PO2	Sử dụng các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp để cải tiến hoạt động chuyên môn và thể hiện trách nhiệm, đạo đức của nhà giáo/nhà nghiên cứu
PO3	Hợp tác, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong lĩnh vực giáo dục Tiếng Anh
PO4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục Tiếng Anh (đối với định hướng nghiên cứu) hoặc chương trình dạy học và giáo dục bộ môn Tiếng Anh (đối với định hướng ứng dụng)

2.2.2 Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Kiến thức:

- Kiến thức nâng cao về các lý thuyết và phương pháp giảng dạy ngoại ngữ từ truyền thống đến hiện đại, các phương pháp giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết) bằng Tiếng Anh;
- Kiến thức ngữ học Anh bao gồm âm vị học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, hình vị-cú pháp học làm nền tảng cho việc dạy thực hành tiếng; Văn học và văn hóa Anh-Mỹ làm cơ sở cho việc mở rộng bài giảng, giúp người học Tiếng Anh nắm bắt được các khác biệt văn hóa và tăng cường hiệu quả giao tiếp.

Kỹ năng:

- Ứng dụng những kiến thức đã học vào việc giảng dạy trong thực tế, quản lý lớp, tổ chức, điều phối các hoạt động trong lớp dạy ngoại ngữ, soạn giáo án, soạn chương trình, thiết kế bài giảng, đánh giá kết quả học tập;
- Nghiên cứu, bao gồm đọc và phê bình các công trình nghiên cứu, xử lý thông tin, thực hiện các công trình nghiên cứu, phương pháp giảng dạy hiệu quả trong một môi trường cụ thể.

Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trung thực trong chuyên môn, không ngừng phấn đấu cho sự tiến bộ của tập thể và bản thân trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh;
- Tôn trọng người học, có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực;
- Coi trọng vị trí, vai trò môn học trong hệ thống các môn học ở trường phổ thông, thường xuyên cập nhật kiến thức và đổi mới phương pháp nghiên cứu, giảng dạy.

2.3 Kiến thức và kỹ năng trang bị cho người học

Sau khi tốt nghiệp, người học được trang bị các kiến thức về lý thuyết và phương pháp giảng dạy ngoại ngữ từ truyền thống đến hiện đại; các phương pháp giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết) bằng Tiếng Anh; kiến thức ngữ học Anh bao gồm âm vị học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, hình vị-cú pháp học làm nền tảng cho việc dạy thực hành tiếng; Văn học và văn hóa Anh-Mỹ.

Người học cũng được phát triển các kỹ năng quản lý lớp, tổ chức, điều phối các hoạt động trong lớp dạy ngoại ngữ, soạn giáo án, soạn chương trình, thiết kế bài giảng, đánh giá kết quả học tập và các kỹ năng nghiên cứu, bao gồm đọc và phê bình các công trình nghiên cứu, xử lý thông tin, cũng như thực hiện các công trình nghiên cứu.

2.4 Vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành TESOL, người học có thể học tiếp lên bậc tiến sĩ ngành TESOL hoặc Ngôn ngữ Anh để đạt được các học vị cao hơn hoặc đảm nhận các vị trí công tác như sau:

- giảng dạy môn Tiếng Anh tại các trường phổ thông
- giảng dạy môn Phương pháp dạy học, Kỹ thuật dạy học, Thực hành dạy học ... ở các trường Đại học, Cao đẳng và THCN có Bộ môn/Khoa Tiếng Anh
- nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu
- quản lý bộ môn tiếng Anh tại các trường phổ thông
- quản lý đào tạo ở các trung tâm ngoại ngữ
- chuyên gia tư vấn giáo dục tại các tổ chức giáo dục, đặc biệt là có yếu tố nước ngoài
- nhà biên soạn sách và tư liệu dạy học tiếng Anh
- chuyên gia thiết kế đề thi và chấm thi tại các trung tâm Kiểm định

2.5 Tuyển sinh

2.5.1 Phương thức, số lần và địa điểm tổ chức tuyển sinh

- *Phương thức tuyển sinh*: Thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.
- *Số lần tuyển sinh*: Mỗi năm tổ chức 2 lần tuyển sinh.
- *Địa điểm tổ chức tuyển sinh*: Trụ sở của Trường Đại học Vinh (182 Lê Duẩn, TP. Vinh, Nghệ An) và các địa điểm ngoài Trường đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận các điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định.

Các quy định về phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh được đăng trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh.

2.5.2 Các môn thi tuyển

- Thí sinh thi tuyển đầu vào CTĐT trình độ thạc sĩ ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh gồm các môn: (i) Triết học; (ii) Ngoại Ngữ 2; và (iii) Tiếng Anh.
- Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn Ngoại Ngữ 2:
 - + Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước có ngôn ngữ mẹ đẻ là Ngoại Ngữ 2 đã đăng ký, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.
 - + Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam.
 - + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ khác với Tiếng Anh ở nước ngoài.
 - + Có chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ khác với Tiếng Anh do Hiệu trưởng trường Đại học Vinh quy định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhưng phải tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.
 - + Thí sinh là người nước ngoài có quy định riêng điều kiện ngoại ngữ 2 về việc xét tuyển đầu vào trình độ thạc sĩ.

2.5.3 Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành thi tuyển LL&PPDH Tiếng Anh bao gồm:

- *Ngành đúng*: Sư Phạm Tiếng Anh hoặc ngành Sư Phạm về các ngôn ngữ khác như Đức, Trung, Nga, Pháp, Nhật, Hàn... và có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS từ 6.5 trở lên hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương khác.
- *Ngành gần*: Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Trung, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Hàn, Ngôn ngữ Nhật
- *Ngành khác*: Quốc tế học, Đông phương học, Tâm lý học giáo dục và các ngành do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của hội đồng khoa học và đào tạo Viện Kỹ thuật và Công nghệ.

2.5.4 Học bổ túc kiến thức

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành Sư Phạm Tiếng Anh phải học bổ sung kiến thức ngành của CTĐT đại học trước khi dự thi, cụ thể như sau:

- *Ngành gần*: Các môn học bổ sung kiến thức gồm:

Tên môn	Số tín chỉ
1. Lý luận dạy học bộ môn Tiếng Anh	2
2. Kỹ thuật giảng dạy Tiếng Anh	2

- *Ngành khác*: Các học phần bổ sung kiến thức được căn cứ vào bảng điểm tốt nghiệp đại học trùng với các học phần theo chương trình đào tạo đại học ngành Sư Phạm Tiếng Anh. Các môn học bổ sung kiến thức tối đa gồm:

Tên môn	Số tín chỉ
Nghe Nói Tiếng Anh	2
Đọc Viết Tiếng Anh	2
Tiếng Anh nâng cao	3
Lý luận dạy học bộ môn Tiếng Anh	2
Kỹ thuật giảng dạy Tiếng Anh	2
Kiểm tra ngôn ngữ và nghiên cứu khoa học GD	2

Trường Đại học Vinh thông báo công khai việc tổ chức học bổ sung trên trang thông tin điện tử của Trường.

2.5.5 Đối tượng dự tuyển

Đối tượng được dự thi phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh;
- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh và đã học bổ sung kiến thức theo quy định;
- Có đủ sức khỏe để học tập;
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

2.5.6 Đối tượng và chính sách ưu tiên

- *Đối tượng ưu tiên*: (i) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế xét tuyển đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành; (ii) Thương binh, người hưởng chính sách thương binh; (iii) Con liệt sĩ; (iv) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; (v) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương theo quy định; (vi) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

- *Chính sách ưu tiên*: Những thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên trên được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn Ngoại Ngữ 2 và 1 điểm cho môn cơ bản.

2.5.7 Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt ít nhất 50% số điểm của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi cộng điểm ưu tiên, nếu có).
- Căn cứ chỉ tiêu đã được thông báo và tổng điểm môn thi Tiếng Anh, Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Vinh xác định phương án điểm trúng tuyển.
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau: (i) Thí sinh là nữ ưu tiên về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới; (ii) Người có điểm cao hơn của môn Triết học; (iii) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn Ngoại Ngữ 2.

2.6 Điều kiện bảo vệ luận văn

- Học viên hoàn thành CTĐT, có điểm trung bình chung các học phần trong CTĐT đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10).
- Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh quy định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.
- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt yêu cầu.
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.
- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường Đại học Vinh.

2.7 Điều kiện tốt nghiệp

Người học phải đáp ứng các điều kiện sau để được công nhận tốt nghiệp:

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn;
- Có điểm luận văn/đồ án tốt nghiệp đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường Đại học Vinh;

- Đã công bố công khai luận văn trên website của Trường Đại học Vinh đủ thời gian theo quy định.

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1 Cấu trúc chương trình

CTDH của ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh bao gồm 04 học phần: Khối kiến thức chung, Khối kiến thức cơ sở, Khối kiến thức chuyên ngành và Luận văn.

- Khối kiến thức chung bao gồm hai học phần là Triết học (4 tín chỉ) và Ngoại ngữ 2 (3 tín chỉ).

- Khối kiến thức cơ sở gồm 04 học phần bắt buộc (12 tín chỉ) và 04 học phần tự chọn (12 tín chỉ). Các học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức nền tảng về tiếp thu ngôn ngữ, bình diện văn hóa trong dạy học Tiếng Anh, phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Tiếng Anh, và các lý thuyết về ngôn ngữ và dạy học ngôn ngữ.

- Khối kiến thức chuyên ngành gồm 03 học phần bắt buộc (9 tín chỉ) và 02 học phần tự chọn (6 tín chỉ). Các học phần này nhằm cung cấp cho người học các lý thuyết và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh như lý thuyết và phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, kỹ thuật dạy học tiếng Anh, phương pháp và thủ thuật phát triển tư liệu giảng dạy, CNTT trong dạy học ngoại ngữ, kiểm tra đánh giá, và xây dựng chương trình dạy học Tiếng Anh.

- Luận văn (đối với định hướng nghiên cứu) chiếm 15 tín chỉ và là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới trong chuyên ngành.

Bảng 3.1 Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Nhóm học phần	Tín chỉ			
		Số lượng	%	Bắt buộc	Tự chọn
1	Học phần chung	6	10%	6	0
2	Học phần cơ sở ngành	24	40%	12	12
3	Học phần chuyên ngành	15	25%	9	6
4	Luận văn tốt nghiệp	15	25%	15	0
Tổng		60	100%	42	18

3.2 Các học phần theo khối kiến thức

3.2.1 Các học phần chung

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ
Các học phần bắt buộc		
1	Triết học <i>Philosophy</i>	3
2	Ngoại Ngữ 2 (Tiếng Pháp) <i>Second Foreign Language (French)</i>	3
Tổng số tín chỉ		6

3.2.2 Các học phần cơ sở ngành

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
Các học phần bắt buộc		
1	Ngôn ngữ học đại cương <i>(General Linguistics)</i>	3
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>(Research methods)</i>	3
3	Bình diện văn hóa trong dạy học tiếng Anh <i>(Cultural issues in the English language teaching)</i>	3
4	Tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai <i>(First and Second Language Acquisition)</i>	3
Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần)		
1	Phân tích diễn ngôn <i>(Discourse Analysis)</i>	3
2	Ngữ pháp chức năng <i>(Functional Grammar)</i>	3
3	Ngôn ngữ học tri nhận <i>(Cognitive Linguistics)</i>	3
4	Ngữ dụng học <i>(Pragmatics)</i>	3
5	Ngữ nghĩa học <i>(Semantics)</i>	3
6	Ngôn ngữ học xã hội <i>(Sociolinguistics)</i>	3

7	Ngôn ngữ học đối chiếu (<i>Contrastive analysis</i>)	3
8	Ngôn ngữ học ứng dụng (<i>Applied Linguistics</i>)	3
Tổng số tín chỉ		24

3.3.3 Các học phần chuyên ngành

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
Các học phần bắt buộc		
1	Lý thuyết và phương pháp giảng dạy ngoại ngữ (<i>Theory and Methods of Foreign Language Teaching</i>)	3
2	Giảng dạy các Kỹ năng ngôn ngữ (<i>Teaching Language Skills</i>)	3
3	Kỹ thuật giảng dạy ngữ liệu (<i>Teaching Language Elements</i>)	3
Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 học phần)		
1	Xây dựng chương trình giảng dạy ngoại ngữ (<i>Curriculum development</i>)	3
2	Phương pháp và thủ thuật phát triển tư liệu giảng dạy (<i>Methods and Techniques for Material Development</i>)	3
3	Công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ (<i>Technology in Language Teaching</i>)	3
4	Ngôn ngữ học tâm lý (<i>Psycholinguistics</i>)	4
5	Lịch sử giảng dạy ngoại ngữ (<i>The history of Foreign Language Teaching</i>)	5
6	Kiểm tra đánh giá (<i>Language Testing and Evaluation</i>)	3
Tổng số tín chỉ		15

3.3 Mô tả tóm tắt các học phần trong CTDH

1. Triết học
Học phần này thuộc khối kiến thức chung bắt buộc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức về Triết học Mác-Lênin một cách có hệ thống giúp người học phân tích vị trí và vai trò của con người trong thế giới, mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan, từ đó phát triển các phương pháp luận khoa học để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, trang bị những kỹ năng cần thiết trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, đồng thời củng cố thế giới quan duy vật biện chứng và áp dụng trong công tác nghiên cứu, giảng dạy Tiếng Anh.
2. Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp)
Học phần này thuộc khối kiến thức chung bắt buộc. Học phần giúp người học củng cố kiến thức từ vựng, ngữ pháp và phát âm của ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết bằng Tiếng Pháp. Thông qua việc thực hành, người học phát triển năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ thứ hai (ngoài Tiếng Anh) để có thể đạt năng lực tương đương với bậc 2 trong Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.
3. Ngôn ngữ học đại cương
Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như bản chất, chức năng của ngôn ngữ và lời nói, hoạt động lời nói, ngôn ngữ và giao tiếp, các trường phái nghiên cứu ngôn ngữ, liên ngôn ngữ, và ngữ vực. Bên cạnh đó, người học cũng được cung cấp một số khái niệm và thuật ngữ mới trong các lý thuyết về ngôn ngữ hiện đại, các khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ và lời nói, từ đó hình thành kỹ năng vận dụng các nguyên lý về ngôn ngữ và hoạt động lời nói trong nghiên cứu, dạy học tiếng Anh.
4. Phương pháp nghiên cứu khoa học
Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chương trình và được thiết kế bao gồm cả phần lý thuyết (30 tiết) và thực hành (15 tiết). Các kiến thức về các kiến thức nghiên cứu khoa học sẽ được cung cấp ở phần lý thuyết và phần thực hành sẽ tạo cơ hội cho học viên áp dụng các kiến thức đã học để phát triển đề cương nghiên cứu phục vụ cho luận văn cuối khóa. Bên cạnh đó, các hoạt động thực hành cũng được thiết kế giúp cho sinh viên phát triển được các kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tự nghiên cứu một cách hiệu quả.
5. Bình diện văn hóa trong dạy học Tiếng Anh
Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần trang bị cho người học kiến thức về các bình diện nội ngôn, cận ngôn và ngoại ngôn thể hiện trong giao

tiếp giao văn hoá và nội văn hoá. Học phần chú trọng ngữ dụng học giao văn hoá với các bình diện phạm trù như lịch sử, trực tiếp-gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp. Dựa trên những nguyên tắc giao tiếp giao văn hóa, học viên có thể thiết kế các hoạt động để khai thác hiệu quả bình diện văn hóa trong dạy học tiếng Anh.

6. Tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai

Đây là học phần chuyên ngành bắt buộc thuộc chuyên ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh, trang bị kiến thức tổng quát về quá trình tiếp thu ngôn ngữ, làm cơ sở cho các môn chuyên ngành tiếp theo. Nội dung học phần gồm 06 chương được thực hiện với 3 tín chỉ, tập trung vào các vấn đề lý thuyết tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai bao gồm Thuyết Hành vi, Thuyết tri nhận, Thuyết tương tác xã hội. Ngoài ra học phần trang bị cho người học kiến thức về các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai/ngoại ngữ như yếu tố tuổi tác, yếu tố tâm lý, yếu tố văn hóa-xã hội.

7. Phân tích diễn ngôn

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần trình bày những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn của ngôn bản và phân tích ngôn bản, đồng thời nêu lên vai trò của phân tích ngôn bản trong giảng dạy và học tập ngôn ngữ nói chung cũng như việc dạy học ngoại ngữ nói riêng, giúp người học phân tích các ngôn bản cụ thể và nhận thức rõ vai trò của kiến thức nền trong phân tích ngôn bản cũng như áp dụng các kiến thức diễn ngôn trong dạy học Tiếng Anh.

8. Ngữ pháp chức năng

Học phần này giới thiệu cho học viên tổng quan về lý thuyết chức năng hệ thống do Halliday và các nhà ngôn ngữ học chức năng khác phát triển. Học viên được cung cấp một số khái niệm và phạm trù cơ bản, từ khái quát đến cụ thể về ngữ pháp chức năng nói chung, lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ minh họa ba siêu chức năng của ngôn ngữ như siêu chức năng tư tưởng, chức năng liên nhân, chức năng ngôn bản, khái niệm quá trình, tham thể, và chu cảnh.

9. Ngôn ngữ học tri nhận

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần được cấu trúc theo 03 chương, trang bị cho học viên những khái niệm cơ bản về nghiên cứu ngôn ngữ dưới ánh sáng của nhận thức luận như không gian tinh thần, ẩn dụ, hoán dụ, lý thuyết diễn mẫu, mô hình tri nhận lý tưởng và vấn đề phạm trù hóa trong ngôn ngữ. Ngoài ra, các vấn đề thụ đắc ngôn ngữ, dịch thuật, ngữ dụng, ngữ pháp, ngôn ngữ và văn hoá cũng được thảo luận và nghiên cứu trong học phần nhằm giúp người học áp dụng kiến thức về ngôn ngữ học tri nhận trong dạy học Tiếng Anh.

10. Ngữ dụng học

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần giúp người học hình thành kỹ năng phân tích văn bản, diễn giải nghĩa của phát ngôn trong ngữ cảnh cụ thể, nhằm đạt hiệu quả cao trong giao tiếp. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu việc hành chức của ngôn ngữ trong thực tế sử dụng, các phương pháp cụ thể để phân tích ngôn ngữ tiên tiến đang thịnh hành và được áp dụng trong nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh và các kiến thức cơ bản về các trường phái ngôn ngữ tiên tiến đang thịnh hành.

11. Ngữ nghĩa học

Học phần này cung cấp các lý thuyết cơ bản về ngữ nghĩa của từ và câu Tiếng Anh, các thuật ngữ trong ngữ nghĩa học và kiến thức cơ bản về các quan hệ nghĩa của từ vựng Tiếng Anh, các cơ sở lý luận về ngữ nghĩa Tiếng Anh. Học phần giúp học viên có hiểu biết sâu sắc hơn về đặc điểm ngữ nghĩa của từ và câu trong Tiếng Anh, nâng cao nhận thức về vai trò của ngữ nghĩa học trong dạy và học ngoại ngữ, có kỹ năng tư duy ngôn ngữ sắc bén hơn và khả năng phân tích và sử dụng đa dạng nguồn từ vựng khi đọc, chuyển dịch và viết văn bản Tiếng Anh.

12. Ngôn ngữ học xã hội

Học phần cung cấp cho người học những khái niệm liên quan đến việc nghiên cứu ngôn ngữ trong giao tiếp như các mối quan hệ và tác dụng giữa đặc trưng xã hội, tâm lý của người nói với lời nói (tức là các biến thể xã hội của ngôn ngữ) các chính sách ngôn ngữ, các nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu ngôn ngữ và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giai cấp, ngôn ngữ và giới tính, các nét tương đồng và dị biệt giữa các ngôn ngữ, đặc biệt là Tiếng Anh và Tiếng Việt xét từ góc độ xã hội.

13. Ngôn ngữ học đối chiếu

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần trang bị cho người học những khái niệm về phân tích đối chiếu ngôn ngữ như cơ sở của phân tích đối chiếu, cơ sở tâm lý học của việc đối chiếu ngôn ngữ, khái niệm phân tích, đối chiếu ngôn ngữ trên phương diện vi mô và vĩ mô. Người học được rèn luyện kỹ năng phân tích đối chiếu các bộ phận ngôn ngữ để nhận biết những điểm giống nhau và khác nhau của các ngôn ngữ, đặc biệt là so sánh đối chiếu giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt, nhằm ứng dụng vào việc nghiên cứu, công tác biên phiên dịch, cũng như giảng dạy Tiếng Anh.

14. Ngôn ngữ học ứng dụng

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần tập trung giúp người học rèn luyện kỹ năng khai thác, khảo sát ngôn ngữ từ góc độ của khoa học xã hội như xã hội học, nhân chủng học, và giảng dạy ngôn ngữ. Học phần cung cấp cho người học những khái niệm, các vấn đề có liên quan đến việc nghiên cứu việc học tập và giảng dạy ngôn ngữ, các chính

sách ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giai cấp, chính sách ngôn ngữ và các nét tương đồng/dị biệt trong một số ngôn ngữ, đặc biệt là giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt.

15. Lý thuyết và phương pháp giảng dạy ngoại ngữ

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình dạy học. Học phần tập trung vào các đường hướng và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, trong đó đặc biệt khai thác sâu các phương pháp phổ biến như Grammar Translation, Audiolingual, Total Physical Response, The Direct Method, the Silent Way, Community Language Learning, và Communicative Language Teaching. Môn học khai thác lý luận về đường hướng và phương pháp dạy học tiếng Anh với mức độ sâu và bao quát hơn chương trình ở bậc đại học.

16. Giảng dạy kỹ năng Tiếng Anh

Đây là học phần chuyên ngành bắt buộc trong CTĐT. Học phần giúp học viên phát triển kiến thức chuyên sâu về phương pháp và kỹ thuật giảng dạy kỹ năng ngôn ngữ. Nội dung học phần gồm 05 chương được thực hiện với 3 tín chỉ, tập trung vào nguyên tắc, quy trình, hoạt động dạy học cho các bài học kỹ năng tiếng Anh nhằm giúp người học nắm vững các kiến thức chuyên sâu và phát triển năng lực thiết kế và triển khai bài dạy kỹ năng, đồng thời đánh giá hoạt động giảng dạy kỹ năng tiếng Anh của bản thân và đồng nghiệp.

17. Kỹ thuật giảng dạy ngữ liệu

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc thuộc trong chương trình. Học phần giúp học viên phát triển các kỹ năng dạy học ngữ liệu tiếng Anh, bao gồm từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, và phát triển kiến thức chuyên sâu về phương pháp và kỹ thuật giảng dạy ngữ liệu. Nội dung học phần gồm 03 chương được thực hiện với 3 tín chỉ, tập trung vào nguyên tắc, quy trình, hoạt động dạy học từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm tiếng Anh nhằm giúp người học phát triển kỹ năng dạy học và đánh giá các hoạt động giảng dạy từ vựng, ngữ pháp và phát âm.

18. Xây dựng chương trình dạy học Tiếng Anh

Đây là học phần chuyên ngành bắt buộc trong CTĐT. Học phần tập trung vào các vấn đề lý luận trong thiết kế chương trình, các nguyên lý và quy trình khi xây dựng chương trình. Người học sẽ được trang bị cơ sở lý luận phục vụ cho việc thiết kế chương trình môn học và các kiến thức về chương trình dạy học tiếng Anh. Ngoài ra, người học được thực hành các bước thiết kế chương trình và thảo luận các vấn đề cần quan tâm khi phát triển chương trình và sử dụng tài liệu dùng cho dạy học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

19. Phương pháp và thủ thuật phát triển tư liệu giảng dạy

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần trang bị cho người học

kiến thức chuyên sâu về phương pháp và kỹ thuật phát triển tư liệu giảng dạy, mối quan hệ giữa thiết kế chương trình, phương pháp giảng dạy và phát triển tư liệu giảng dạy, và phương pháp đánh giá các xu hướng phát triển tư liệu giảng dạy phục vụ một chương trình dạy và học cụ thể. Từ đó, người học phát triển kỹ năng xây dựng tư liệu dạy học dựa trên mục tiêu bài học, nhu cầu của người học và các tiêu chí khác.

20. Công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ

Công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ là học phần chuyên ngành bắt buộc, trang bị kiến thức tổng quát về quá trình tiếp thu ngôn ngữ, làm cơ sở cho các môn chuyên ngành tiếp theo. Chuyên đề cung cấp cho học viên kiến thức lý luận và thực tiễn về việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong dạy học ngoại ngữ ở trường phổ thông và chức năng, công dụng của các phương tiện kỹ thuật; trang bị cho học viên những kỹ năng và thủ thuật sử dụng các công cụ, nền tảng khác nhau trong dạy học ngoại ngữ.

21. Ngôn ngữ học tâm lý

Học phần này nghiên cứu về bình diện tâm lý học trong ngôn ngữ, tập trung vào sự thụ đắc và sử dụng các cấu trúc ngôn ngữ, quá trình tạo sinh và cảm thụ phát ngôn. Môn học đề cập đến các trường phái tâm lý học khác nhau có ảnh hưởng chi phối, quyết định các phương hướng, mục đích, nội dung và phương pháp học và dạy ngôn ngữ; giúp cho người học nắm được các khái niệm về ngôn ngữ, lời nói, hoạt động lời nói ở bình diện tâm lý học, phân tích được bản chất, nhân tố, điều kiện và giai đoạn, cấu trúc, cơ chế sản sinh và tiếp nhận lời nói.

22. Lịch sử giảng dạy ngoại ngữ

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần giúp người học hiểu về lịch sử hình thành và phát triển của việc dạy ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng. Học phần tập trung thảo luận về bối cảnh xuất hiện của các phương pháp và xu hướng giảng dạy Tiếng Anh phổ biến cũng như ảnh hưởng của xã hội đối với việc dạy Tiếng Anh. Từ đó, người học hình thành kỹ năng phân tích bối cảnh kinh tế, xã hội, giáo dục để lựa chọn đường hướng và phương pháp dạy học Tiếng Anh phù hợp và hiệu quả.

23. Kiểm tra đánh giá

Học phần *Kiểm tra đánh giá* là môn chuyên ngành bắt buộc. Nội dung môn học này gồm 8 chương, được thực hiện trong 3 tín chỉ, tập trung giới thiệu khái quát kiểm tra đánh giá ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, tìm hiểu về quy trình và nguyên tắc trong việc thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kiến thức được trang bị để phân tích và thiết kế các bài kiểm tra đánh giá trong thực tiễn giảng dạy. Môn học này còn chú trọng đến việc phân tích các phương pháp đánh giá tích cực theo hướng đổi mới chương trình được thực hiện theo Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020.

PHẦN 4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ HỖ TRỢ

4.1 Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo bao gồm 02 Phó giáo sư, 07 tiến sĩ, giảng viên cơ hữu của khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ và các thỉnh giảng bao gồm các nhà khoa học hàng đầu trong nước ở lĩnh vực LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh. Ngoài ra khoa còn mời nhiều giáo sư ở các trường đại học nước ngoài như Nhật, Mỹ hợp tác để tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, hội nghị nhằm giúp cho học viên có cơ hội hình thành và phát triển các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để đạt các CĐR.

Đội ngũ giảng viên của ngành được quy hoạch, tuyển dụng dựa trên các yêu cầu, tiêu chuẩn để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Với năng lực chuyên môn cao, đội ngũ giảng viên của ngành đã chủ trì/tham gia thực hiện nhiều công trình nghiên cứu khoa học và công bố các kết quả nghiên cứu rộng rãi. Đây là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng giảng dạy của các học phần trong CTĐT. Ngành phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của từng giảng viên. Nhờ thế, năng lực và điểm mạnh của mỗi người được phát huy tới mức tối đa, mang lại các giá trị bền vững cho CTĐT.

Bảng dưới đây cung cấp các thông tin chung về đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo của ngành.

TT	Họ và tên	Vị trí	Ngành học tiến sĩ	Nơi cấp bằng
1	PGS. TS. Trần Thị Ngọc Yến	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	New Zealand
2	TS. Nguyễn Thị Vân Lam	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	Úc
3	TS. Trần Thị Hào	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	Úc
4	TS. Lê Thị Tuyết Hạnh	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	Việt Nam
5	PGS. TS. Ngô Đình Phương	Cơ hữu	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
6	TS. Trần Bá Tiến	Cơ hữu	Ngôn ngữ Anh	Việt Nam
7	TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Cơ hữu	Ngôn ngữ học	Việt Nam
8	TS. Nguyễn Duy Bình	Cơ hữu	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
9	TS. Nguyễn Xuân Bình	Cơ hữu	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
10	PGS. TS. Nguyễn Thanh Tùng	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	Úc
11	PGS. TS. Lê Phạm Hoài Hương	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	New Zealand
12	PGS. TS. Lê Văn Canh	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	Úc

TT	Họ và tên	Vị trí	Ngành học tiến sĩ	Nơi cấp bằng
13	TS. Nguyễn Gia Việt	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	New Zealand
14	PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	Thỉnh giảng	Giáo dục học	Anh
15	TS. Huỳnh Anh Tuấn	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ học	Anh
16	TS. Trần Quang Hải	Thỉnh giảng	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
17	TS. Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ học	Anh
18	TS. Nguyễn Thị Quyết	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ Anh	Việt Nam
19	PGS. TS. Lâm Quang Đông	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ Anh	Việt Nam
20	TS. Nguyễn Duy Khang	Thỉnh giảng	Khoa học giáo dục	Ba Lan
21	TS. Phan Thị Tuyết Vân	Thỉnh giảng	Khoa học giáo dục	Ba Lan

Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu và các thỉnh giảng trong nước, ngành còn mời các giáo sư hàng đầu về TESOL ở các nước phát triển như Nhật, Úc tham gia thực hiện các buổi seminar, tập huấn, hội thảo nhằm tạo cơ hội cho người học phát triển chuyên sâu về năng lực sư phạm và trình độ chuyên môn. Các chuyên gia quốc tế cũng tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học với đội ngũ giảng viên cơ hữu của khoa và hỗ trợ trong việc hướng dẫn học viên thực hiện luận văn tốt nghiệp.

4.2 Nhân viên hỗ trợ

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành bao gồm đội ngũ hỗ trợ chung của Nhà trường (Thư viện, Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, Phòng Công tác Chính trị - Học sinh - Sinh viên, Bộ phận một cửa - Phòng Hành chính Tổng hợp) và đội ngũ hỗ trợ của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ (chuyên viên phụ trách công tác văn phòng; chuyên viên phụ trách quản lý công tác chính trị Học sinh - Sinh viên; chuyên viên hỗ trợ kỹ thuật ở các phòng học tiếng, chuyên viên tài chính và quản lý quỹ). Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ cử nhân trở lên, trong đó 03 cán bộ có trình độ cử nhân và 01 cán bộ có trình độ thạc sĩ. Để đảm bảo chất lượng, các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn thường xuyên nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng giải quyết vấn đề.

Thông tin liên hệ:

* Website: <http://vinhuni.edu.vn/>

* Điện thoại: 0238 3855 452

* Phòng Đào tạo Sau đại học: <http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/>

* Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ: <http://khoaspnn.vinhuni.edu.vn/>

PHẦN 5. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ

Trường Đại học Vinh nói chung và ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh nói riêng, luôn cố gắng đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu dạy học và chuẩn đầu ra CTĐT.

5.1 Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng

Trường Đại học Vinh có khuôn viên lớn với hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng đầy đủ, đa dạng, thuận tiện cho việc tổ chức dạy học cho hàng vạn sinh viên và học viên cao học. Mỗi khoa đào tạo có văn phòng khoa với diện tích đáp ứng quy mô của khoa và các phòng họp phục vụ cho các buổi họp, seminar, sinh hoạt chuyên môn. Hiện tại, Nhà trường có 68 phòng làm việc với diện tích 15.864m² cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của tổ bộ môn. Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH.

5.2 Hệ thống thư viện

Hệ thống thư viện của trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Với diện tích sử dụng gần 29.000m² bao gồm 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 09 kho sách, 06 phòng đọc với 2000 chỗ ngồi, thư viện được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện có những nội quy, quy định rõ ràng nhằm phục vụ bạn đọc tốt hơn.

Tính đến tháng 8/2016, về tài liệu truyền thống, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào có khoảng 26.000 tên giáo trình và tài liệu các loại với khoảng 200.000 bản, 129 loại báo và tạp chí, 16.500 luận án và luận văn. Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hàng năm. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường đạt mức trung bình cho các ngành đào tạo. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Ilib).

Từ cuối năm 2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 16.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 15.500 đề tài luận án, luận văn, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Ngoài ra, Trung tâm Thông tin - Thư viện đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu theo 3 cổng thông tin điện tử: <http://tvs.lib.vinhuni.edu.vn>; <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>; <http://tailieu.vinhuni.edu.vn>. Bên cạnh đó, Thư viện Trường đã thực hiện việc phối hợp, liên

thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Học viên có thể cập nhật, lấy dữ liệu, khai thác với thư viện các trường đại học khác như Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội, Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh, Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, sử dụng giải pháp thư viện số ELib-Tailieu.vn của công ty TNHH tài liệu trực tuyến VINA.

5.3 Hệ thống công nghệ thông tin

Ngành LL&PPDH Tiếng Anh được sự hỗ trợ của Trung tâm công nghệ thông tin trong việc quản lý các hoạt động học tập, nghiên cứu, của giảng viên và học viên. Giảng viên được trang bị máy tính xách tay để phục vụ công tác đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho học viên.

Phần mềm CMC của nhà trường giúp cho ngành quản lý công tác dạy học, nghiên cứu khoa học, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, học phí và lĩnh vực khác một cách thuận tiện. Ngoài ra, hệ thống LMS giúp cho việc dạy và học được số hóa dễ dàng, tạo điều kiện cho người học tự nghiên cứu, tìm tòi trước giờ lên lớp, từ đó có thể phát triển các năng lực ở bậc cao.

5.4 Trạm y tế

Với diện tích khuôn viên 505 m², trạm y tế của nhà trường được trang bị đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của người học khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.9.05.03]. Trạm y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm và phân loại sức khỏe, quản lý và lưu hồ sơ sức khỏe của cán bộ và người học, sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe ban đầu, cấp thuốc thông thường, chuyển bệnh nhân lên cơ sở y tế tuyến trên trong những trường hợp cần thiết, tuyên truyền, giáo dục, tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe, vận động người học tham gia bảo hiểm y tế, tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh, tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học; chủ trì, phối hợp với các đơn vị, đoàn thể trong trường thực hiện công tác y tế trường học, xây dựng môi trường trường học lành mạnh, an toàn.

PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- *Thông tư Số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*
- *Quyết định Số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 07 năm 2016 về Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh;*
- *Quyết định Số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21 tháng 09 năm 2017 về Ban hành Khung chương trình đào tạo các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh.*

Chương trình khung trình bày tóm tắt những kiến thức và kỹ năng cơ bản để đào tạo trình độ thạc sĩ ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh với thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Trên cơ sở khung chương trình, bộ môn phân công cán bộ giảng dạy biên soạn ĐCCT học phần, tiến tới biên soạn bài giảng, giáo trình học phần. Bộ môn phải theo sát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo trình tự đã được hội đồng khoa học thông qua.
- Hàng năm Hội đồng Khoa học - Đào tạo sẽ đề nghị Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sung chương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo. Sự điều chỉnh chương trình hàng năm chiếm tỷ trọng tối đa là 20%;

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

6.1 Đối với bộ môn quản lý chương trình

- Phải nghiên cứu kỹ CTĐT để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp ĐCCT cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;
- Phối hợp với Phòng đào tạo Sau đại học để hướng dẫn học viên đăng ký các học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

6.2 Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung ĐCCT từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học viên trước một tuần để học viên chuẩn bị trước khi lên lớp;
- Tổ chức cho học viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn học viên làm tiểu luận, bài tập lớn, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn học viên viết thu hoạch.

6.3 Kiểm tra, đánh giá

- Giảng viên phải kiểm soát được quá trình học tập của học viên, kể cả ở trên lớp và ngoài lớp học;
- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ;
- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

6.4 Đối với học viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cán bộ phụ trách ngành để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ;
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên;
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar;
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu;
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

6.5 Quy định về việc nghỉ học tạm thời, thôi học

Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường học sau đây:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ của cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Thời gian nghỉ học tạm thời phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học theo quy chế.

6.6 Quy định về chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo

- Học viên được xét chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo xin chuyển đến và cơ sở đào tạo xin chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến đối với chuyển cơ sở đào tạo;
- c) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của hiệu trưởng cơ sở đào tạo đối với trường hợp chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo trong cùng một cơ sở đào tạo;
- d) Còn đủ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này và không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với học viên thuộc các trường hợp chuyển cơ sở đào tạo, chuyển chương trình đào tạo phải bảo đảm các quy định của Thông tư 23 của Bộ GD&ĐT.

6.7 Quy định về xử lý vi phạm đối với học viên

- Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.
- Học viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.
- Học viên vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ GD&ĐT:
 - + Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ luận văn hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ;

+ Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì luận văn không đạt yêu cầu;

+ Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ luận văn, đề án.

6.8 Quy định chấm điểm luận văn thạc sĩ/đề án tốt nghiệp

Điểm luận văn của học viên cao học bao gồm: Điểm đánh giá nội dung luận văn đạt tối đa 9.0 điểm và điểm thành tích nghiên cứu khoa học đạt tối đa 1.0 điểm (có thể lẻ đến một chữ số thập phân).

*** Điểm đánh giá nội dung luận văn**

Luận văn được đánh giá đạt điểm 9.0 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Luận văn có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc;
- Nội dung Luận văn tốt; hình thức trình bày đẹp và đúng quy định;
- Bảo vệ Luận văn tốt:
- + Trình bày rõ ràng, đúng trọng tâm, đảm bảo thời gian và có minh họa;
- + Trả lời đầy đủ, mạch lạc và chính xác các câu hỏi của hội đồng.
- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 8.0 điểm trở lên.

Nếu không đạt một trong các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 9.0.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 8.5 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung Luận văn tốt; hình thức trình bày đẹp và đúng quy định;
- Bảo vệ Luận văn tốt:
- + Trình bày rõ ràng, đúng trọng tâm, đảm bảo thời gian và có minh họa;
- + Trả lời tương đối đầy đủ và chính xác các câu hỏi của hội đồng.
- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 7.5 điểm trở lên.

Nếu không đạt một trong các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 8.5.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 8.0 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung Luận văn tốt; hình thức trình bày đúng quy định;
- Bảo vệ Luận văn tốt;

- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 7.0 trở lên.

Nếu không đạt một trong các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 8.0.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 7.5 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung Luận văn tốt; hình thức trình bày đúng quy định;

- Bảo vệ Luận văn khá;

- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 6.5 trở lên.

Nếu không đạt các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 7.5.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 7.0 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung Luận văn khá; hình thức trình bày đúng quy định;

- Bảo vệ Luận văn khá;

- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 6.0 điểm trở lên.

Nếu không đạt các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 7.0.

Đối với Luận văn được đánh giá đạt dưới 7.0 điểm:

- Áp dụng đối với các Luận văn chưa đáp ứng được các yêu cầu nói trên. Căn cứ kết quả học tập, chất lượng Luận văn và kết quả bảo vệ Luận văn của học viên để các thành viên của hội đồng cho điểm phù hợp.

Luận văn không đạt yêu cầu khi Hội đồng chấm Luận văn đánh giá đạt từ 5.4 điểm trở xuống.

*** Điểm thành tích nghiên cứu khoa học**

Điểm thành tích nghiên cứu khoa học được tính khi các kết quả chính của Luận văn đã đăng tải trên tạp chí và các ấn phẩm khoa học khác thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước và Tạp chí khoa học của Trường Đại học Vinh trong thời gian học thạc sĩ; hoặc phát triển thành các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu.

Tổng điểm bài báo hoặc đề tài quy đổi được tính theo quy định của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước (khi tính điểm bài báo, đề tài không chia theo số lượng tác giả) của năm trước đó đạt từ:

- Thấp hơn hoặc bằng 0.5 điểm thì được cộng tối đa 0.5 điểm vào điểm Luận văn;

- Trên 0.5 điểm thì được cộng tối đa 1 điểm vào điểm Luận văn.

Nếu các bài báo hoặc đề tài nghiên cứu khoa học không gắn với kết quả chính của luận văn thì cho tối đa 50% số điểm đã nêu trên.

Lưu ý: Điểm Luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá Luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của Hội đồng chấm từ 5.5 điểm trở lên.

Nghệ An, ngày 21 tháng 9 năm 2017

KT. HIỆU TRƯỞNG
~~PHÓ HIỆU TRƯỞNG~~

PGS.TS Nguyễn Huy Bằng

